

Bản án số: 91/2018/DS-PT.
Ngày: 04/5/2018
Về tranh chấp QSD đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương
Các thẩm phán: Ông Lê Lâm Sơn
Bà Nguyễn Thị Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phan Tân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/9/2017 và ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2017/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án sơ thẩm số: 22/2017/DS-ST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2017/QĐPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1972, địa chỉ: Chung cư D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Phan Văn N, sinh năm 1958, địa chỉ: phường Đ, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông N, ông T cùng đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 20/5/2016.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Anh V - Văn phòng Luật sư Phạm Anh V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Lâm Thị C, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Văn S - Văn phòng Luật sư P thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần Chế biến Thủy hải sản T.

Địa chỉ: phường T, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp:

1. Ông Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1968, địa chỉ: phường V, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 16/6/2016.

2. Bà Ngô Thị Hoàng M, sinh năm 1968, địa chỉ: đường X, phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 6/9/2017.

Người làm chứng: Ông Lê Văn H, sinh năm 1962, địa chỉ Ấp G, xã H, huyện Q, Kiên Giang.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Lâm Thị C.

(ông T, ông N, bà C, ông Đ, bà M, Luật sư V, Luật sư S, ông H có mặt; tại phiên tòa ngày 15/9/2017 không có mặt Luật sư S và ông H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L trình bày:**

Vào ngày 07/8/2015 bà L nhận chuyển nhượng của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản T diện tích 29.678m² đất, gồm 05 thửa, đất tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện Q, tỉnh Kiên Giang. Sau khi thực hiện thủ tục chuyển nhượng các bên đã hoàn thành thủ tục sang tên, hiện nay do bà L đứng tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất toàn bộ diện tích đất trên.

Trong 05 thửa trên thì có một phần đất diện tích 11.420,9m² thuộc thửa số 218, tờ bản đồ số 01 theo Giấy chứng nhận QSD đất số CB153356 do UBND huyện Q cấp cho bà L ngày 03/9/2015. Phần đất này nằm giáp ranh với đất của bà Lâm Thị C, hiện trạng đất có trụ rào dây kẽm gai làm ranh. Tuy nhiên ngày 22/9/2015 bà C ngang nhiên phá bỏ hàng rào dây kẽm gai, lấn chiếm sang phần đất bà L đang trồng dừa. Bà L có yêu cầu bà C phục hồi lại hàng rào và di dời toàn bộ cây trồng ra khỏi phần đất nhưng bà C không đồng ý. Sau đó bà L khởi kiện đến UBND xã H, UBND tiến hành hòa giải nhưng không thành. Bà C cho rằng phần đất này của bà được Huyện Ủy cấp cho gia đình bà năm 1996 nên bà được toàn quyền sử dụng. Lời trình bày này là không có cơ sở, việc chuyển nhượng giữa bà L và Công ty T là hợp pháp. Thời điểm Công ty T nhận chuyển nhượng QSD đất từ ông Huỳnh Văn M1 có sự chứng kiến của bà C. Ranh đất tiếp giáp với đất của bà C được rào bằng dây kẽm gai, nhưng hiện nay bà C phá bỏ và cắm thêm 10 trụ bê tông và trụ cây để rào phần đất tranh chấp.

Nay bà L yêu cầu bà C trả lại cho bà L diện tích 11.420,9m² tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện Q, thuộc thửa số 218 tờ bản đồ số 01. Đồng thời yêu cầu bà C tháo dỡ 10 trụ bê tông và trụ cây ra khỏi phần đất của bà L.

Bị đơn bà Lâm Thị C trình bày:

Trước đây gia đình bà sinh sống tại ấp P, xã R. Đến năm 1975 cha mẹ bà được Huyện Ủy Q cho đất và gia đình chuyển về ấp G, xã H sinh sống. Do gia đình bà có 03 người anh em hy sinh trong kháng chiến và được tổ quốc ghi công, được Huyện Ủy Q quan tâm chăm lo, yêu cầu gia đình bà về ấp G sinh

sống và cấp cho gia đình bà diện tích đất khoảng 40.000m² (có xác nhận của Huyện Ủy Q ngày 03/10/1996). Sau khi nhận đất gia đình bà có trồng một số cây ăn trái như dừa, mít, tràm bông vàng... Gia đình bà sống liên tục từ đó đến nay, phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Khi Huyện Ủy cấp đất cũng không có quyết định hay văn bản gì, không đo đạc diện tích cụ thể mà chỉ giao đất thực tế.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận QSD đất, năm 1976 UBND huyện có mượn đất của gia đình bà để xây dựng Lò Gốm, mục đích là phát triển kinh tế cho huyện, do đó cha bà đồng ý cho Ủy ban huyện mượn đất. Do việc phát triển kinh tế không hiệu quả nên Ủy ban huyện sang lại cho ông M1 (sáu H), khi sang Lò Gốm có báo cho cha bà biết. Năm 1978 ông M1 xây Lò Gạch, năm 1992 đến 1996 ông M1 cho người chặt phá cây do gia đình bà trồng. Gia đình bà thưa kiện và báo Huyện Ủy thì ông M1 tháo dỡ Lò Gạch và bỏ đi đến nay. Phần đất tranh chấp với bà L là của gia đình bà được Huyện Ủy giao từ năm 1975, do đang tranh chấp nên bà không làm giấy chứng nhận QSD đất được.

Năm 2004 giữa bà và ông M1 có thỏa thuận giải quyết đất đai, tuy nhiên vấn đề này do ông Đỗ T1 giải quyết nên bà không đồng ý việc giải quyết. Năm 2015 bà phá bỏ hàng rào và khiếu nại liên tục đến các cơ quan có thẩm quyền nhưng không được giải quyết. Bà cũng đã có khiếu nại đến UBND tỉnh Kiên Giang về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty T, tuy nhiên UBND tỉnh lại trả hồ sơ và hướng dẫn khởi kiện tại Tòa án, hiện nay cũng không có gửi đơn khởi kiện đến cơ quan có thẩm quyền nào. Phần lò gạch trước đây nằm ngay trên phần đất tranh chấp, hiện tại không còn do ông Huỳnh Văn M1 tháo dỡ. Việc Công ty T cho rằng bà chứng kiến việc mua bán giữa Công ty T và ông Huỳnh Văn M1 là không đúng. Nay bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, việc bà L được cấp giấy là giả.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần chế biến thủy hải sản T do người đại diện hợp pháp trình bày:

Nguồn gốc phần đất các bên tranh chấp tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện Q, tỉnh Kiên Giang, diện tích 11.420,9m² thuộc thửa số 218, tờ bản đồ số 01 là thuộc quyền sử dụng của ông Huỳnh Văn M1. Năm 2004 ông M1 chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất cho Công ty T. Hai bên đã hoàn tất thủ tục và sang tên cho Công ty T. Năm 2015 Công ty T chuyển nhượng cho bà L toàn bộ diện tích 29.678m², gồm 05 thửa, trong đó có diện tích 11.420,9m², thuộc thửa số 218 tờ bản đồ số 01 mà các bên đang tranh chấp. Việc chuyển nhượng giữa Công ty T và bà L đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

Trong thời gian Công ty nhận chuyển nhượng đất từ ông M1, các bên có xuống bàn giao ranh giới và vị trí đất, ranh giới được rào bằng trụ bê tông dây kẽm gai, có sự chứng kiến của bà C. Đến ngày 22/9/2015 bà C phá bỏ hàng rào kẽm gai, lấn chiếm phần đất bà L đang trồng dừa. Nay yêu cầu Tòa án xem xét yêu cầu của bà L, buộc bà C tháo dỡ trụ rào trả đất cho bà L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2017/DS-ST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích L đối với bà Lâm Thị C.

- Buộc bà Lâm Thị C trả lại cho bà L hiện trạng diện tích đất 11.420,9m² thuộc thửa số 218, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện Q.

- Buộc bà C tháo dỡ 10 trụ bê tông và trụ cây ra khỏi phần đất của bà L.

- Công nhận phần diện tích đất 11.420,9m² thuộc thửa số 218, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện Q thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Bích L.

Hiện trạng đất được thể hiện theo sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp số 150 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q đo vẽ ngày 29/7/2015. Cụ thể:

Cạnh AB = 79.50m; cạnh BC = 28.97m; cạnh CE = 88.98m, cạnh EF = 5,16m; cạnh FG = 73.47m; cạnh GH = 2.84m; cạnh HI = 5.84m; cạnh IJ = 44.48m; cạnh JK = 23.53m; cạnh KK' = 7.00m; cạnh K'L = 1.37m; cạnh LM = 1.59m; cạnh MN = 2.40m; cạnh NO = 4.48m; cạnh OA = 58.75m.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bồi thường cho bà C giá trị cây trồng trên đất 12.714.000 đồng.

Giữ nguyên Quyết định số 22/2016/QĐ-BPKCTT ngày 12/5/2016 về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đến khi vụ án được giải quyết xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí thẩm định giá và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 25/4/2017 bà Lâm Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm:

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án huyện Q, công nhận quyền sử dụng hợp pháp của bà Lâm Thị C đối với diện tích đất 11.420,9m². Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 15/9/2017 đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà C trả lại đất lấn chiếm và chấp nhận hỗ trợ giá trị cây trồng trên đất tranh chấp cho bà C như Bản án sơ thẩm tuyên.

Bị đơn bà C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án bác khởi kiện của nguyên đơn, công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp 11.420,9m² tại ấp G, xã H thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà. Lý do: nguồn gốc đất được Huyện ủy cấp cho cha mẹ bà năm 1975, gia đình bà đã sử dụng đất này từ năm 1975 và khiếu nại, tranh chấp với ông M1, Công ty T từ năm 1987 đến nay. Bà bị ép buộc ký giáp ranh cho ông M1 và Công ty T làm giấy chứng nhận QSD đất, bà L1 là chị bà không ký giáp ranh mà ông M1 và Công ty T làm giấy được là trái pháp luật. Yêu cầu cho giám định chữ ký tên C1 trong Biên bản cắm mốc Ranh giới với ông M1 ngày 6/5/2004 vì không phải chữ ký tên của bà. Gia đình bà có

công với cách mạng có 3 Liệt sĩ; trên đất tranh chấp bà có lập hai ngôi mộ từ năm 1996 là mộ ông nội bà và mộ anh trai bà là liệt sĩ Lâm Văn N hy sinh ở Y, hai mộ này là bốc hài cốt, lập mộ đất. Khi Tòa sơ thẩm xem xét thẩm định tại chỗ bà không báo trên đất tranh chấp có mộ là do Thẩm phán không hỏi mà chỉ yêu cầu bà chỉ ranh giới đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần chế biến thủy hải sản T yêu cầu chấp nhận khởi kiện của bà L, buộc bà C trả đất tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của bà L, khẳng định trên đất Công ty T chuyển nhượng cho bà L không có hai ngôi mộ theo lời khai của bà C.

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Phạm Anh V đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà L, bác kháng cáo của bà C, bởi: không cần xác minh lại nguồn gốc đất tranh chấp, do nguyên đơn chuyển nhượng hợp pháp của Công ty T; chữ ký của bà C trong Biên bản ngày 6/5/2004 không cần giám định do bị đơn đã thừa nhận tại phiên tòa sơ thẩm nhưng cho rằng bị ép ký; không có căn cứ xác định có lập mộ trên đất tranh chấp; bị đơn không có yêu cầu phản tố công nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 04/5/2018 bị đơn bà C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án công nhận QSD đất tranh chấp cho bà và tiếp tục xác định có lập hai mộ trên đất tranh chấp từ năm 1996, khi lập mộ Liệt sĩ Lâm Văn N bà không có Đơn xin bốc hài cốt, không có báo chính quyền địa phương tại thời điểm lập mộ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C Luật sư Phạm Văn S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chữ ký của bà C tại Biên bản ngày 06/5/2004 xác định ranh đất cho ông M1; nguyên đơn bồi thường về cây trồng khác với hồ trợ theo trình bày tại cấp sơ, phúc thẩm; bồi thường cây trồng thể hiện quá trình sử dụng cây trồng trên đất là của gia đình bà C. Ông M1 sử dụng lò gạch chứ không có quyền sử dụng đất tranh chấp, lò gạch là một phần diện tích nhỏ trong diện tích đất tranh chấp; diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M1 là thời ông Đỗ T1 cấp có nhiều sai phạm nên cần xem xét lại thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho ông M1, cấp đất cho ông M1 trùng phần quyền sử dụng đất của bị đơn đang tranh chấp. Đề nghị công nhận đất tranh chấp cho bà C, hủy các giấy chứng nhận QSD được cấp đối với đất tranh chấp.

Bà C giữ nguyên kháng cáo và thống nhất trình bày của Luật sư S.

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Phạm Anh V trình bày: chữ ký của bà C tại Biên bản xác định ranh đất ngày 06/5/2004 Tòa án phúc thẩm đã xác minh người lập biên bản là ông S1, tại phiên tòa sơ thẩm bà C đã thừa nhận chữ ký tại biên bản này. Thời gian sử dụng đất: theo Biên bản xác định ranh giới ngày 06/5/2004 sau đó bà C đã làm hồ sơ được cấp quyền sử dụng đất khu riêng theo ranh giới đã xác định nên không thể có sử dụng liên tục đất tranh chấp; không có căn cứ cấp đất cho ông M1 trùng lên đất của bà C. Tòa sơ thẩm đã xác minh rõ nguồn gốc đất tranh chấp, mồ mã trên đất

tranh chấp theo yêu cầu của bà C đã được Tòa án tỉnh xác minh và lời trình bày của bà C không thống nhất. Bị đơn không có đơn phản tố về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất cấp đối với đất tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc đánh giá toàn diện các chứng cứ, bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông T, ông N thống nhất với lời trình bày của Luật sư V. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần chế biến thủy hải sản T do bà M, ông Đ đại diện thống nhất theo trình bày của Luật sư, đề nghị bác kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của đương sự, Luật sư đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm Bị đơn và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu công nhận QSD đất cho bị đơn, hủy giấy chứng nhận QSD đất cấp cho ông M1, Công ty T và bà L. Tuy bà C không có đơn phản tố nhưng để đảm bảo vụ án được giải quyết toàn diện thì cần thiết phải đưa Ủy ban nhân dân huyện Q và Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền nghĩa vụ liên quan mới phù hợp, tòa sơ thẩm không xem xét vấn đề này là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Lâm Thị C, hủy bản án sơ thẩm số 22/2017/DS-ST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu công nhận quyền sử dụng (QSD) đất tranh chấp cho bà C theo khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L đối với diện tích đất 11.420,9m² theo giấy chứng nhận QSD đất bà L được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 03/9/2015 tại ấp G, xã H, huyện Q.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Phạm Văn S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận QSD đất tranh chấp cho bà C và hủy các giấy chứng nhận QSD đất được cấp trước khi chuyển nhượng cho bà L và cấp cho bà L.

Xét thấy tại cấp sơ thẩm bà C không có đơn phản tố yêu cầu công nhận đất tranh chấp và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất được cấp cho ông Huỳnh Văn M1, Công ty cổ phần chế biến thủy hải sản T và bà Nguyễn Thị Bích L. Tuy nhiên bà C có đơn yêu cầu được công nhận QSD đất tranh chấp và có bản

khai yêu cầu Tòa án thu hồi giấy chứng nhận QSD đất cấp cho Công ty T và bà L trước khi Tòa sơ thẩm hòa giải.

Để xem xét yêu cầu của các bên đương sự trong vụ án toàn diện theo quy định pháp luật tố tụng, thì cần thiết Tòa án phải xác định khi bị đơn yêu cầu công nhận QSD đất tranh chấp thì bị đơn có yêu cầu hủy các giao dịch, giấy chứng nhận QSD đã cấp đối với đất tranh chấp hay không, để xác định người tham gia tố tụng có liên quan đến việc công nhận hoặc không công nhận QSD đất tranh chấp cho đương sự trong vụ án. Mặc dù Tòa sơ thẩm có tiến hành thu thập chứng cứ đối với cơ quan cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông M1 nhưng Tòa sơ thẩm chưa làm rõ yêu cầu này của bị đơn và đưa Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông M1, Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận QSD đất cho Công ty cổ phần chế biến thủy hải sản T, bà L là người liên quan trong vụ án là chưa xem xét toàn diện trong giải quyết tranh chấp theo quy định tại Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Nội dung tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn: xét về quá trình sử dụng đất, tài sản, cây trồng, kiến trúc, mồ mã trên đất tranh chấp tại Tòa cấp sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm đã thu thập chứng cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu của bị đơn.

[3] Đối với dùng từ ngữ về QSD đất tuyên trong Bản án sơ thẩm chưa đúng theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Luật Đất đai năm 2014 về công nhận quyền sở hữu đất cho cá nhân và áp dụng quy định Bộ luật Dân sự 2015 tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với tranh chấp phát sinh năm 2015 khi Bộ luật Dân sự chưa có hiệu lực pháp luật là không phù hợp nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Do vậy trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Hủy bản án sơ thẩm số 22/2017/DS-ST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

Án phí dân sự sơ thẩm: Được xác định khi vụ án đưa ra giải quyết lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà C không phải chịu, được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2017/DS-ST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Kiên Giang về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L với bị đơn bà Lâm Thị C; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần chế biến thủy hải sản T.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Kiên Giang giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Được xác định khi vụ án đưa ra giải quyết lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lâm Thị C không phải nộp, bà C được nhận lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003937 ngày 10/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hương

